

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4-TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2026/DS-ST  
Ngày: 16/6/2026  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-TÂY NINH

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Ông Phạm Văn Chín

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Yến T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, ấp P, xã B, tỉnh Tây Ninh.

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:** Bà Đặng Thị Thành Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D đường M, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2026).

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trừ Thành N, sinh năm 1999;
  - Ông Trừ Thành D, sinh năm 1999;
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Bà Đ và bà T1 có mặt, ông N và ông D vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 13/3/2026 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yến T do bà Đặng Thị Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Yến T và bà Nguyễn Thị Kim T1 có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, năm 2018 do bà T1 cần tiền làm ăn nên có hỏi vay tiền bà T. Bà T cho bà T1 vay hai lần tổng cộng là 50.000.000 đồng, cụ thể như sau: Lần thứ nhất là ngày 21/8/2018, cho vay 30.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm giấy tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền đề ngày 21/8/2018” với thời hạn 12 tháng (tức là đến ngày 21/8/2019 trả); lần thứ hai là khoảng tháng 11 năm 2018 cho vay số tiền là 20.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ vì là chỗ quen biết, cũng hẹn đến ngày 21/8/2019 trả chung khoản nợ lần thứ nhất. Cả hai lần vay đều thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng nhưng từ khi vay thì bà T1 không thanh toán được khoản tiền lãi nào, do bà T1 năn nỉ đang gặp khó khăn nên bà T cũng tiếp tục cho vay để tạo điều kiện cho bà T1 làm ăn trả nợ. Để bảo đảm và làm tin cho các khoản vay trên, bà T1 có tự nguyện giao cho bà Thu G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An hiện nay là xã M, tỉnh Tây Ninh (từ đây gọi tắt là thửa 64) do bà T1 đứng tên đồng sử dụng với ông Trừ Thành N và ông Trừ Thành D, nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm. Khi đến hạn thanh toán, thậm chí rất nhiều lần sau đó bà T đã liên lạc yêu cầu bà T1 phải trả tiền nhưng bà T1 vẫn cố tình không trả. Như vậy, tính đến nay thì bà T1 vẫn chưa trả được tiền gốc và tiền lãi là đã vi phạm cam kết nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác. Nguyên đơn tự nguyện hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 64 cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời xác định trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên bà không yêu cầu đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:* Bà thừa nhận bà có vay của bà T số tiền gốc là 50.000.000 đồng như bà T trình bày và hiện nay bà vẫn còn nợ bà T số tiền vay này. Khi vay, bà có tự nguyện giao cho bà Thu giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 64 do bà đứng tên đồng sử dụng với hai con là ông N và ông D, việc giao giữ giấy là tự nguyện để làm tin mà không có đăng ký giao dịch bảo đảm, thửa đất này là thuộc quyền sử dụng của bà cùng hai con nhưng việc vay tiền chỉ có cá nhân bà. Lý do bà giao bản chính giấy đất thửa 64 cho bà T mà không hỏi ý kiến của hai con là vì bà nghĩ sau này trả tiền thì bà T sẽ trả lại nên bà cũng không thông báo cho hai con biết. Quá trình vay tiền thì bà có trả lãi nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu và cũng không có giấy tờ chứng minh nên bà cũng không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà T. Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn, bà phải đi bán dừa mỗi ngày cũng không có tiền nên xin cho bà trả dần chậm nhất là đến ngày 20/8/2026, ngoài ra bà không còn ý kiến gì khác. Còn việc bà T đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 64 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Trong vụ án này bà không có yêu cầu phản tố gì.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trừ Thành N và Trừ Thành Danh cùng thống nhất trình bày:* Các ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Kim T1, theo thông báo của Tòa án thì các ông được biết bà Huỳnh Thị Yến T có khởi kiện bà T1 về việc vay tiền, các ông xác định hoàn toàn không liên quan gì đến việc nợ nần của bà T1, việc bà T1 có vay tiền của bà T hay không thì các ông không biết, các ông cũng không có sử dụng số tiền này. Hiện nay, được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 64 do bà T1 đứng tên đồng sử dụng với các ông hiện do bà Thu G, việc giữ giấy của bà T là không đúng nên bà T phải trả lại. Trong vụ án này, các ông không có yêu cầu phản tố gì, do bản công việc nên đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt các ông.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, ngoài lời trình bày thì bị đơn không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Các đương sự cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là đúng thẩm quyền. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Qua xem xét giấy nợ có tiêu đề “Giấy mượn tiền đề ngày 21/8/2018” do bà T cung cấp được bà T1 thừa nhận chữ ký nên xác định các bên có xác lập quan hệ vay tài sản với số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn đến ngày 21/8/2019, hhi vay không ghi rõ lãi suất và mục đích vay nhưng nay thống nhất lãi suất là 3% và mục đích vay là để làm ăn. Tuy nhiên, khi đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ cam kết nên căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hoàn trả số tiền vay 50.000.000đồng. Các bên không tranh chấp tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Yến T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều

463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 có địa chỉ tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và không có tranh chấp nào khác, các đương sự thống nhất việc vay tiền không có biện pháp đảm bảo, việc bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin, không phải cầm cố hay thế chấp theo quy định pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ hay yêu cầu khởi kiện gì của bị đơn cũng như của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa, các đương sự xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án xem xét đến.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, bà Đ và bà T1 có mặt; những người còn lại vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Xét khoản vay ngày 21/8/2018 theo “Giấy mượn tiền đề ngày 21/8/2018” (với số tiền 30.000.000đồng) và khoản vay tháng 11/2018 không làm văn bản (với số tiền 20.000.000đồng): Qua xem xét giấy nợ có tiêu đề “Giấy mượn tiền đề ngày 21/8/2018” do bà T cung cấp, có thể hiện nội dung thông tin nhân thân đầy đủ của người vay tiền và tại mục “*Người mượn tiền (Bên A)*” có chữ ký, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị Kim T1” và “*Người cho mượn (Bên B)*” có chữ ký và chữ viết ghi “Huỳnh Thị Yên T”. Do đó, xác định ngày 21/8/2018 giữa bà T1 và bà T có xác lập quan hệ vay tài sản với số tiền vay là 30.000.000đồng, thời hạn vay ghi là 12 tháng (nay các bên xác định là đến ngày 21/8/2019). Xét khoản vay tháng 11/2018 thì hai bên không làm văn bản, nhưng nay thống nhất là có sự việc bà T1 có cho bà T vay số tiền 20.000.000đồng và cũng hẹn đến ngày 21/8/2019 trả chung với khoản nợ lần 1. Cả hai lần vay đều không ghi rõ lãi suất và mục đích vay nhưng nay thống nhất lãi suất là 3% và mục đích vay là để làm ăn. Do đó, xác định cả hai giao dịch trên đều là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thỏa thuận và ký kết giao dịch là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, xác định hợp đồng là hợp pháp và làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Thực hiện hợp đồng, bà T đã giao đủ số tiền 50.000.000đồng cho bà T1 nhận, bị đơn đã cam kết đến ngày

21/8/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay cho nguyên đơn. Tuy nhiên, khi đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ cam kết và vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc bên vay có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền vay khi đến hạn. Như vậy, việc vi phạm của bị đơn đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 50.000.000đồng.

[2.3] Bà T chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 có nghĩa vụ trả số tiền trên, không yêu cầu các thành viên khác, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về lãi: Bà T chỉ yêu cầu trả tiền gốc, bà T1 cho rằng có trả lãi nhưng không chứng minh được và cũng không được bà T thừa nhận, nay bà T1 cũng không yêu cầu gì về số tiền lãi mà bà đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Tại phiên tòa, bà Đồng đại D1 cho nguyên đơn xác định để đảm bảo cho việc vay tiền, bà T1 có tự nguyện giao cho bà Thu G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 64. Bà Đ cũng đồng ý trả lại cho bà T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[2.7] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Tây Ninh tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yến T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Yến T số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng vay tài sản là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

1.2 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yên T về việc hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

2.1 Hoàn trả lại cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151524 số vào sổ cấp GCN:CS 10390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim T1 (cùng sử dụng đất với người khác: ông Trừ Thành D, ông Trừ Thành N) đối với quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh);

2.2 Hoàn trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2 Thành Danh 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151525 số vào sổ cấp GCN:CS 10390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2018 cho ông Trừ Thành D (cùng sử dụng đất với người khác: bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Trừ Thành N) đối với quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh);

2.3 Hoàn trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trừ Thành N 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151526 số vào sổ cấp GCN:CS 10390 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2018 cho ông Trừ Thành N (cùng sử dụng đất với người khác: bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Trừ Thành D) đối với quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh);

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng cộng là 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu toàn bộ; bà Huỳnh Thị Yên T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006011 ngày 25/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 4-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Thanh Thúy**

